TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 96/2022/DS-ST
Ngày 19/08/2022
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Lê Thị Kim Lệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy – Thư ký tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 19/08/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2021/DSST ngày 14/04/2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2022/QĐXXST-DS ngày 31/03/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 234/2022/QĐST-DS ngày 28/04/2022, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 279/2022/QĐST-DS ngày 25/05/2022 và quyết định đưa vụ án ra xét xử số 453/2022/QĐXXST-DS ngày 25/07/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S, trụ sở số B, đường N, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo uỷ quyền* (văn bản uỷ quyền số 01/2021/GUQ-PGDTNXM ngày 04/01/2021) ông Lê Quốc T, sinh năm 1989 (yêu cầu vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Hữu Thiện D, sinh năm 1989. Cư trú số B, đường Đ, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minhvắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Ngân hàng thương mại cổ phần S trình bày:

1.1 Tại đơn khởi kiện ngày 19/03/2021; bản tự khai ngày 11/04/2021, ngày 19/04/2021, ngày 18/05/2021, ngày 21/06/2021; biên bản hòa giải ngày 18/05/2021, ngày 21/06/2021: Ngày 13/05/2019, Ngân hàng và ông Phạm Hữu Thiện D1 ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 50.000.000

đồng để tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông Phạm Hữu T1 D đã thực hiện các giao dịch từ ngày 22/06/2019 đến ngày 22/07/2020 với tổng số tiền là 49.600.000 đồng. Đến ngày 22/08/2020 thì ông Phạm Hữu T1 D không thanh toán nữa, nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 19/08/2022 ông Phạm Hữu T1 Dcòn nợ tiền gốc là 59.062.733 đồng, tiền lãi quá hạn là 48.756.570 đồng, tổng cộng là 107.819.303 đồng. Do đó, ngân hàng yêu cầu toà án buộc ông Phạm Hữu T2 phải trả ngay cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ là 107.819.303 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/08/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

1.2. Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 18/05/2021, ngày 21/06/2021 Ngân hàng không bổ sung, cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

1.3 Ngày 18/08/2022, Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Ông Phạm Hữu T1 D vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa.

3. Ý kiến của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà: (i) Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, các quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng theo các quy định của pháp luật. Tòa án chưa bảo đảm thực hiện đúng quy định điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. (ii) Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

I. Về tố tụng:

1. Theo văn bản trả lời xác minh của: (i) Công an phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh ngày 31/05/2021 có nội dung *"Ông Phạm Hữu Thiện D, sinh năm 1989. Hộ khẩu thường trú số 228/6, đường Đ, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh. Đã bán nhà, từ năm 2019 cùng gia đình tạm trú tại số C, đường D, phường A, quận H, thành phố H nay. Bản thân Phạm Hữu Thiện D2 còn cư trú tại phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh".* (ii) Công an phường A, thành phố Hồ Chí Minh ngày 15/10/2021 có nội dung *"Ông Phạm Hữu Thiện D, sinh năm 1989 thực tế không cư trú tại số C, đường D, phường A, quận H, thành phố Hồ Chí Minh".* Hội đồng xét xử nhận thấy, theo điều 5 khoản 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định *"Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của người bị kiện quy định tại điều 189 khoản 4 điểm d Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là địa chỉ của người bị kiện đã từng cư trú mà người khởi kiện biết được gần nhất tính đến thời điểm khởi kiện và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận".* Như

vậy, ông Phạm Hữu T1 Dcó nơi cư trú cuối cùng tại số B, đường Đ, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điều 26, 35, điều 39 khoản 1 điểm a, điều 189 khoản 4 điểm d Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5 khoản 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết vụ án.

2. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Phạm Hữu T3 đến Tòa án để viết bản tự khai, triệu tập hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, triệu tập hai lần để tham gia phiên tòa xét xử, nhưng ông Phạm Hữu Thiện D3 vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, có nghĩa ông Phạm Hữu T1 Dđã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Hữu T3 theo quy định tại điều 227 khoản 2 điểm b Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Về nội dung

1. Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Phạm Hữu T4 trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ là 107.819.303 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 19/08/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

1.1 Căn cứ thông tin cá nhân thẻ tín dụng ngày 13/05/2019, bản thông tin tổng hợp dư nợ số 2019/S11A, hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định ngân hàng và ông Phạm Hữu T5 ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân và tính đến ngày 19/08/2022 ông Phạm Hữu T6 nợ tiền gốc là 59.062.733 đồng, tiền lãi quá hạn là 48.756.570 đồng, tổng cộng là 107.819.303 đồng.

1.2 Về tiền lãi: Điều 3 khoản 2 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy đinh "*Trường hợp có quy định khác nhau giữa các luật tổ chức tín dụng và các luật khác có liên quan ... thì áp dụng theo quy định của luật tổ chức tín dụng".* Điều 91 khoản 2 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thoả thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".* Điều 8 nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định *"Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01/01/2017 được xác định như sau: (i) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả. (ii) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng".* Theo đó, Ngân hàng là tổ chức tín dụng và ông Phạm Hữu Thiện D4 thuận lãi

suất được áp dụng theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

1.3 Về yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu toà án buộc ông Phạm Hữu T4 trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy Toà án không có thẩm quyền ấn định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành, trừ trường hợp các bên có thoả thuận. Mặt khác, yêu cầu của Ngân hàng không đúng với quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, nên không có cơ sở để hội đồng xét xử chấp nhận.

2. Do yêu cầu của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên ông Phạm Hữu T1 Dphải nộp án phí trên số 107.819.303 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điều 26 khoản 3, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm a, điều 186, điều 207 khoản 1, điều 227 khoản 2 điểm b Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3 khoản 2, Điều 91 khoản 2, điều 95, điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 8 nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP; Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Ông Phạm Hữu Thiện D5 trả cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền là 107.819.303 (Một trăm lẻ bảy triệu tám trăm mười chín ngàn ba trăm lẻ ba) đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phạm Hữu T6 phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

2. Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí toà án ngày 30/12/2016. Ông Phạm Hữu T1 Dphải nộp 5.390.965 (Năm triệu ba trăm chín ngàn chín trăm sáu mươi năm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.696.000 (Một triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0036325 ngày 05/04/2021 của chi cục thi hành án dân sự quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Áp dụng điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngân hàng thương mại cổ phần S, ông Phạm Hữu T1 Dđược quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TANDTPHCM.
- VKSNDQ4;
- THADSQ4.
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Hiền

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

I. Vào lúc 10 giờ ngày 19/08/2022, tại phòng nghị án tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

1. Ông Nguyễn Quang Hiền - Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa
2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt – Hội thẩm nhân dân
3. Bà Lê Thị Kim Lệ – Hội thẩm nhân dân

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số 70/2021/DSST ngày 14/04/2021 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2022/QĐXXST-DS ngày 31/03/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 234/2022/QĐST-DS ngày 28/04/2022, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 279/2022/QĐST-DS ngày 25/05/2022 và quyết định đưa vụ án ra xét xử số 453/2022/QĐXXST-DS ngày 25/07/2022.

II. Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết 3/3 thống nhất quyết định những vấn đề sau:

1. Áp dụng điều 26 khoản 3, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm a, điều 186, điều 207 khoản 1, điều 227 khoản 2 điểm b Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3 khoản 2, Điều 91 khoản 2, điều 95, điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 8 nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP; Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Ông Phạm Hữu Thiện Danh phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền là 107.819.303 (Một trăm lẻ bảy triệu tám trăm mười chín ngàn ba trăm lẻ ba) đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phạm Hữu Thiện Danh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

2. Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí toà án ngày 30/12/2016. Ông Phạm Hữu Thiện Danh phải nộp 5.390.965 (Năm triệu ba trăm chín ngàn chín trăm sáu mươi năm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.696.000 (Một triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0036325 ngày 05/04/2021 của chi cục thi hành án dân sự quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Áp dụng điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, ông Phạm Hữu Thiện Danh được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật. Kết quả biểu quyết 3/3.

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày, các thành viên trong hội đồng xét đã đọc lại biên bản và ký tên.